

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HS-ST
Ngày: 22/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Tám**

Ông **Huỳnh Văn Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Tân** - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Trường Duy** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 96/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Minh T, sinh năm: 1988 tại Tiền Giang. Nơi cư trú: ấp K, xã P, huyện Q, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị H; bị cáo có vợ là Nguyễn Lê Băng T và 02 con là Lê Trung N sinh năm: 2009, Lê Minh Th sinh năm: 2015; tiền án, tiền sự: không; về nhân thân: từ nhỏ sống chung gia đình tại ấp K, xã P, huyện Q, tỉnh Tiền Giang; học đến hết lớp 9 nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình cho đến ngày phạm tội. Bị cáo bị tạm giữ ngày 01 tháng 10 năm 2020, chuyển tạm giam ngày 10 tháng 10 năm 2020 đến nay. (Bị cáo có mặt).

- Bị hại:

1. Ông **Nguyễn Văn T** sinh năm: 1971 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. Bà **Đinh Thị D** sinh năm: 1947 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang

3. Ông **Nguyễn Văn Sang** sinh năm: 1978 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông **Lê Văn B** sinh năm: 1955 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp K, xã P, huyện Q, tỉnh Tiền Giang

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn V sinh năm: 1946 (vắng mặt)
Nơi cư trú: ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang
2. Anh Nguyễn Văn C sinh năm: 1989 (vắng mặt)
3. Anh Nguyễn Thanh H sinh năm: 1980 (vắng mặt)
Cùng nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có ý định trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ, khoảng 03 giờ ngày 01 tháng 10 năm 2020, bị cáo Lê Minh T chuẩn bị 01 thanh gỗ, 02 tưng gân màu vàng và 01 con dao Thái Lan cán màu đen, lưỡi màu trắng, dài 32cm rồi điều khiển xe mô tô biển số 63X1-2339 đi từ nhà ở ấp K, xã P, huyện Q, tỉnh Tiền Giang đến đường tỉnh 863 thuộc xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Khoảng 3 giờ 20 phút cùng ngày, bị cáo điều khiển xe 63X1-2339 đến đoạn đường đan nông thôn thuộc ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang bị cáo nhìn thấy cặp đường đan người dân có trồng nhiều mít Changai, bị cáo liền dừng xe lại dùng dao cắt trộm 02 trái mít Changai, mỗi trái có trọng lượng 12 kg của anh Nguyễn Văn T bỏ vào 01 tưng gân trên xe. Lúc này, bị cáo bị ông Nguyễn Văn V (là hàng xóm của ông T) phát hiện truy hô nên bị cáo điều khiển xe bỏ đi cùng tài sản trộm cắp về hướng xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đến khoảng 03 giờ 40 phút cùng ngày 01 tháng 10 năm 2020, bị cáo điều khiển xe 63X1 - 2339 đến vườn mít của bà Đinh Thị D, sinh năm: 1947, ở ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang bị cáo xuống xe đi đến cây mít tại vườn cặp đường đan, dùng dao cắt trộm 01 trái mít có trùm trong bao ny lon màu xanh, trọng lượng 09kg của bà D và bỏ vào tưng gân treo phía sau yên xe.

Khoảng 04 giờ cùng ngày 01 tháng 10 năm 2020, bị cáo tiếp tục điều khiển xe 63X1-2339 đến vườn mít của ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1978, ở ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (cách vườn bà D khoảng 01 km). Tại đây, bị cáo dùng dao cắt trộm của ông S 05 trái mít Changai (gồm: 01 trái trọng lượng 12kg, 01 trái trọng lượng 11kg, 01 trái trọng lượng 8,6kg, 01 trái trọng lượng 10,8kg, 01 trái trọng lượng 10kg) bỏ vào tưng gân. Lúc này, ông S phát hiện, truy hô và cùng với anh Nguyễn Minh C (em ruột ông S) điều khiển xe mô tô biển số 63B1-156.94 đuổi theo bị cáo đến khu vực gần nhà văn hóa ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang bị cáo bỏ lại xe mô tô cùng với số mít vừa trộm cắp được rồi nhảy xuống sông và bơi qua bờ sông thuộc địa bàn ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang thì bị ông S và người dân ở xã T bắt giữ cùng tang vật và giao cho Công an xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết. Kết quả xác minh, bị cáo đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Bản kết luận giám định số 337/KLĐG-TTHS ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện C,

tỉnh Tiền Giang kết luận: Mít trái Changai trọng lượng 12kg, giá 480.000 đồng; mít Changai trọng lượng 11kg, giá 440.000 đồng; mít Changai trọng lượng 12kg, giá 480.000 đồng; mít Changai trọng lượng 8,6kg, giá 309.600 đồng; mít Changai trọng lượng 09kg, giá 360.000 đồng; mít Changai trọng lượng 12kg, giá 480.000 đồng; mít Changai trọng lượng 10,8kg, giá 432.000 đồng; mít Changai trọng lượng 10kg, giá 400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 3.381.600 đồng.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKSCB ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang truy tố bị cáo Lê Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo T từ 06 đến 09 tháng tù. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng.

Lời nói sau cùng của bị cáo T: Bị cáo biết việc bị cáo trộm mít của các bị hại là sai, là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối cải về việc làm của mình, bị cáo hứa không tái phạm, bị cáo xin lỗi các bị hại. Bị cáo rất mong được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về lo cho gia đình, trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Lê Minh T đã thừa nhận khoảng thời gian từ 03 giờ đến 04 giờ, ngày 01 tháng 10 năm 2020 bị cáo đã len lút lấy trộm tài sản của ông Nguyễn Văn T 02 trái mít Changai trị giá 960.000 đồng; trộm cắp của bà Đinh Thị D 01 trái mít Changai trị giá 360.000 đồng; trộm cắp của ông Nguyễn Văn S 05 trái mít Changai trị giá 2.061.600 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo T trộm cắp là 3.381.600 đồng.

[2] Lời thừa nhận tội của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai người bị hại, lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa; phù hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của ông T, bà D, ông S được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bản thân bị cáo nhận thức được rằng trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền trả nợ mà bị cáo đã trộm tài sản của các bị hại ở nơi cấp đường

đan có nhiều người qua lại mà không sợ bị phát hiện thể hiện sự liều lĩnh, xem thường pháp luật của bị cáo. Do đó cần phải có một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho những ai đang có tư tưởng phạm tội như bị cáo.

[4] Tuy nhiên Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo do bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và nhận tội; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại xong; bị cáo cũng có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Do bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là để thể hiện tính nhân đạo của nhà nước ta và cũng phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự.

[5] Trong quá trình điều tra, bị cáo khai nhận trong ngày 01 tháng 10 năm 2020 đã trộm cắp 01 trái mít Changai trọng lượng 9,4kg. Tuy nhiên, bị cáo không nhớ được địa điểm trộm cắp, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thông báo truy tìm bị hại nhưng chưa xác định được chủ sở hữu. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ, khi có căn cứ là cơ sở.

[6] Về vật chứng trong vụ gồm:

- 01 xe mô tô loại Future màu đỏ do Trung Quốc sản xuất, biển số 63X1-2339, số máy VZS152FMH*091821*, số khung RMVWCH4MV 61091821 của bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước;

- 02 tưng gân đã cũ; 01 con dao Thái Lan, cán bằng nhựa màu đen, lưỡi dao màu trắng, dài 32 cm; 01 bao nilon màu trắng, kích thước (1 x 0,45) m; 01 bao nilon màu xanh, kích thước (70 x 40) cm là công cụ phạm tội và vật chứng không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy;

- 08 trái mít thái Changai, tổng trọng lượng 94,8 kg (có biên bản xác định trọng lượng) Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả cho ông S 05 trái, ông T 02 trái và bà D 01 trái;

- Ngoài ra, trong lúc bắt giữ bị cáo, Công an còn thu giữ 01 trái mít Changai trọng lượng 9,4kg nhưng chưa xác định được bị hại và đã hư hỏng nên Cơ quan điều tra đã tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho ông T 960.000 đồng, ông S và bà D đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của

Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Minh T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 5 Điều 328, Điều 363 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Minh T 03 (ba) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 01 tháng 10 năm 2020) đến ngày xét xử sơ thẩm bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, trả tự do cho bị cáo, nếu bị cáo không bị tạm giam, giữ về tội khác.

2. Về vật chứng: áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

2.1 Tịch thu tiêu hủy: 02 tọng gân đã cũ; 01 con dao Thái Lan, cán bằng nhựa màu đen, lưỡi dao màu trắng, dài 32 cm; 01 bao nilon màu trắng, kích thước (1 x 0,45) m; 01 bao nilon màu xanh, kích thước (70 x 40) cm. Hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đang tạm giữ theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28 tháng 12 năm 2020.

2.1 Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô loại Future màu đỏ do Trung Quốc sản xuất, biên số 63X1- 2339, số máy VZS152FMH*091821*, số khung RMVWCH4MV 61091821. Hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đang tạm giữ theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28 tháng 12 năm 2020.

3. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lê Minh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị D, ông Nguyễn Văn S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Ông Lê Văn B được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo Lê Minh T;
- Ông Nguyễn Văn T, bà Đinh Thị D, ông Nguyễn Văn S;
- Ông Lê Văn B;
- VKS nhân dân huyện C;
- Nhà tạm giữ Công an huyện C;
- Chi cục THA dân sự huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ

